

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-PT
Ngày 08 – 01 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/12/2020 và ngày 08/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Chỗ ở hiện nay: Ấp 17, xã N, huyện U, tỉnh C..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Đặng Minh Q, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh Hải thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. Bà Phan Mỹ T1, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Ông Kim Chan Đa Ra, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Luật Sống, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Thới B

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình: Ông Lê Chí T2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình (Vắng mặt).

2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1959 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã B, huyện T, tỉnh C.

4. Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh C ..

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (Có mặt);

6. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

7. Bà Hà Thị T4, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

8. Ông Lưu Hoàng G2, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

9. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1957 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị t, huyện T, tỉnh C .

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Nguồn gốc phân đất là của ông Nguyễn Văn B (chết năm 2004) và bà Phan Thị M (chết năm 2014). Năm 1999, ông B và bà M cho bà P phân đất này để cất nhà ở nhưng không có lập thành văn bản. Năm 2009, giữa bà P và ông T3 xảy ra tranh chấp nên bà M có lập di chúc để lại cho bà P phân đất 01 công tầm 3m để ở và 03 công tầm 3m đất ruộng, khi bà M lập di chúc thì bà P đã cất nhà để ở trên phần đất được cho theo di chúc từ năm 1999. Phần đất được cho 01 công tầm 3m để ở hiện nay do ông B và bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tờ di chúc ngày mùng 04 tháng giêng năm 2009 do Nguyễn Hồng Cẩm (con ông T5) viết, có bà M, ông D, bà M, ông T5 ký tên trong di chúc. Khi bà M cho đất thì ông T5 là người trực tiếp đo đạc nên bà P không biết rõ vị trí và diện tích bao nhiêu, chỉ biết chiều dài 01 công tầm 3m (36m) và chiều ngang 01 công tầm 3m (36m), vị trí đất nằm từ mé kinh, đi ngang con lộ hiện tại lên phía trên lộ. Lý do ông T5 đo đạc là do giữa bà P và ông T3 có xảy ra tranh chấp phần đất trên lộ, ngay phần đất bà P cất nhà ở, nên ông T5 đo đạc giao cho bà P phần đất 01 công tầm 3m (nay là phần đất tranh chấp), phần còn lại khoảng 0,5 công tầm 3m giao cho ông T3 quản lý. Đối với phần đất ruộng 03 công tầm 3m không tranh chấp nên bà không có yêu cầu.

Đến năm 2011, bà P về huyện U Minh sinh sống, còn căn nhà bà P cho người cháu tháo dỡ đem về cất nhà thờ cúng cha của người cháu. Đến năm 2012, bà P cho chị dâu là bà Hà Thị T4 mượn phần đất cặp mé kinh để cất nhà ở, khi mượn 02 bên có làm giấy tay, hiện nay do bà T4 giữ; phần đất còn lại từ lộ trở lên không ai quản lý.

Đến ngày 26/8/2018 al, bà P thuê người đến dọn phần đất để cất nhà ở thì ông D ngăn cản, từ đó phát sinh tranh chấp, do ông D cho rằng phần đất bà P được cho nằm ở vị trí dưới mé sông (đất lá). Phần đất lá này trước đây ông D có cho bà Nguyễn Thị Thắm mượn cất nhà ở.

Nay bà P yêu cầu ông D và bà T1 giao trả phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.287,9m² tọa lạc khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo trích đo hiện trạng ngày 28/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Đối với việc bà T4 mượn đất, bà P vẫn thống nhất cho bà T4 mượn đất ở theo thỏa thuận ban đầu.

- Theo ông Nguyễn Ngọc D trình bày:

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc là của cha mẹ là ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Minh. Khi ông B và bà M còn sống đã chia đất cho các con, phần còn lại giao cho ông D quản lý sử dụng, do ông D là con trai út sống cùng với cha mẹ và lo thờ cúng sau này.

Đến năm 1995, bà P có hỏi mượn cha mẹ phần đất chiều ngang 36m, chiều dài 36m từ mé kênh xáng trở lên 36m. Năm 2002, bà P có cất nhà trên phần đất này ở, đến năm 2011 thì bà P dỡ nhà đi, hiện nay phần đất do ông D quản lý. Năm 2012, ông D có cho ông G2 (là chồng sau của bà T4, do anh ruột của ông D là ông Nguyễn Hoàng Oanh đã chết) mượn một phần trong phần đất này để cất nhà bán quán dưới mé kênh xáng nhưng không nói diện tích cho mượn cụ thể.

Ông D thừa nhận cha mẹ có cho bà P phần đất diện tích 01 công tầm 3m để ở và 03 công tầm 3m đất ruộng; phần đất này được bà M lập thành di chúc. Phần đất ruộng 03 công tầm 3m bà P đã nhận canh tác và không tranh chấp; phần đất 01 công để ở có tứ cận như sau: Phía đông giáp sông Trẹm dài 36m, phía tây và phía bắc giáp phần đất của ông D dài 36m, phía nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Cường dài 36m; phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất tranh chấp theo vị trí đo đạc thực tế mà bà P xác định ông D không thống nhất, vì vị trí cha mẹ cho không phải nằm ngay vị trí bà P yêu cầu, phần đất này chỉ cho bà P mượn ở, do xáng mức làm lộ ngay vị trí nền nhà nên cha mẹ cho bà P mượn đất ở và khi nào đi thì trả lại chứ không có quyền chuyển nhượng cho ai. Phần đất hiện nay do ông B và bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông D đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình với số tiền 100.000.000 đồng, hiện nay ông D đã thanh toán xong nợ cho Ngân hàng và đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với tờ di chúc ngày mừng 4 tháng giêng năm 2009 do cháu Cẩm là con ông T5 (anh ruột ông D) viết thay cho bà M và sau đó có đưa cho ông D ký tên; ông T5 là người trực tiếp đo đất để giao cho bà P.

Ông D không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà P, do phần đất bà P yêu cầu ông D trả lại không phải phần đất bà P được cho. Đối với việc bà T4 và ông G2 đang ở trên phần đất, ông D không yêu cầu bà T4 và ông G2 di dời nhà mà vẫn thống nhất cho bà T4 và ông G2 mượn phần đất để ở, đến khi nào dời đi nơi khác thì trả lại.

Đối với các cây trồng trên phần đất tranh chấp do cha ông trồng nên ông D không có yêu cầu gì. Nếu bà P được quản lý đất, ông D thống nhất giao cây trồng trên phần đất cho bà P hưởng.

- Theo bà Phan Mỹ T1 trình bày:

Bà T1 thống nhất theo trình bày của ông D, hiện nay bà cùng với ông D đang quản lý phần đất tranh chấp.

- Theo bà Nguyễn Thị M1 trình bày:

Bà M có phân chia cho bà P phần đất ở 01 công tâm 3m, 03 công đất ruộng tâm 3m tọa lạc khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Khi phân chia đất có mặt bà M1, ông T5 là người đo đất nhưng bà M1 không biết rõ diện tích cụ thể và vị trí như thế nào; bà P cất nhà để ở trên phần đất một thời gian thì về huyện U Minh sống. Bà M1 xác định phần đất bà P được phân chia là phần đất hiện nay đang tranh chấp với ông D. Tờ di chúc ngày mừng 4 tháng giêng năm 2009 bà M1 có ký tên vào, di chúc do cháu Cẩm viết, khi lập di chúc bà M1 không có mặt và không trực tiếp chứng kiến.

Bà M1 yêu cầu ông D giao trả phần đất trên cho bà P theo như tờ di chúc của bà M. Đối với phần đất còn lại ông D đang quản lý bà M không yêu cầu phân chia.

- Theo bà Nguyễn Thị G1 trình bày:

Bà G1 thống nhất theo trình bày của bà M1. Bà G1 yêu cầu ông D, bà T1 giao trả cho bà P phần đất theo yêu cầu của bà P. Đối với phần đất còn lại ông D đang quản lý, bà G1 không yêu cầu phân chia.

- Theo bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N thống nhất với trình bày của bà M và bà G1. Đối với phần đất đang tranh chấp giữa bà P với ông D, bà N yêu cầu ông D giao lại cho bà P. Phần còn lại bà N thống nhất giao cho ông D quản lý, bà N không yêu cầu phân.

- Theo ông Nguyễn Thanh T3 trình bày:

Nguồn gốc phần đất là của ông B, bà M là cha mẹ ông, lúc đầu cha mẹ có cho bà P phần đất nhưng không biết diện tích bao nhiêu, phần đất giáp sông Trẹm. Sau đó xáng mức ngang phần đất và ông thấy bà P lên phần đất phía trên lộ cát nhà ở (là phần đất hiện nay đang tranh chấp với ông D). Lúc bà P cất nhà và mức đất thì cha mẹ vẫn còn khỏe nhưng không biết cha mẹ có cho bà P đất không và nếu có

cho thì cho ở vị trí nào ông cũng không biết. Đối với đất cha mẹ để lại ông không yêu cầu phân chia.

- Theo bà Hà Thị T4 trình bày:

Bà T4 là chị dâu của bà P và ông D. Vào năm 2012, bà có đến nhà bà P mượn phần đất tại khóm 5, thị trấn Thới Bình để cất nhà ở, thời gian mượn 20 năm khi nào đi thì bà trả lại. Phần đất này hiện nay bà T4 đang cất nhà tiền chế chiều ngang 4m, chiều dài 16m và đang quản lý cùng với chồng bà T4 là ông G2 (do chồng bà là ông Nguyễn Hoàng Oanh đã chết). Khi cho mượn bà và bà P có làm giấy tờ. Theo bà T4 phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa bà P với ông D là do cha mẹ chồng bà cho bà P. Bà T4 không có yêu cầu gì đối với phần đất, nếu giải quyết giao cho ai thì bà giao lại cho người đó. Tuy nhiên, do bà đã cất nhà trên phần đất nên nếu bà P hoặc ông D được giao quản lý phần đất mà yêu cầu bà di dời nhà thì bà yêu cầu phải hoàn lại giá trị căn nhà là 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông D và bà P đều thống nhất cho bà tiếp tục mượn phần đất đang cất nhà để ở nên bà xin rút lại yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hoàn lại giá trị căn nhà và công đầu tư trên đất.

- Theo ông Lưu Hoàng G2 trình bày:

Ông G2 là chồng của bà T4, ông và bà T4 đã chung sống khoảng 10 năm. Vào năm 2012 ông và bà T4 mượn phần đất để cất nhà ở, vị trí từ lộ xuống mé sông. Quá trình sử dụng vợ chồng ông có bồi đắp thêm. Phần đất vợ chồng ông mượn nằm một phần trong phần đất tranh chấp giữa bà P với ông D; căn nhà hiện tại do vợ chồng ông cất. Trường hợp Tòa án giải quyết giao đất cho bà P hoặc ông D và bà T1 mà bà P, ông D, bà T1 có yêu cầu ông di dời nhà thì ông yêu cầu hoàn lại giá trị căn nhà với số tiền là 90.000.000 đồng và đồng ý di dời đi. Khi mượn đất của bà P thì hai bên có làm tờ mượn đất ngày 20/02/2012 al và bà T4 có ký tên vào. Đối với nội dung tranh chấp ông không biết do ông về sống khoảng 10 năm, còn việc cho đất đã lâu.

- Theo ông Nguyễn Văn T5 trình bày:

Ông T5 là anh ruột của bà P và ông D. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ. Khi cha mẹ còn sống có phân chia đất cho các con, trong đó có cho bà P phần đất có tứ cận: Phía đông giáp sông Trẹm, phía tây và phía bắc giáp phần đất ông D, phía nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Cư, phần đất nằm ở mé sông. Ông là người trực tiếp đo đạc và khi đo đạc cha mẹ ông còn sống. Cách nay khoảng 10 năm thì phần đất tranh chấp hiện nay cha mẹ ông có cho bà P mượn cất nhà ở và khi mẹ ông còn sống bà P dời nhà đi đã trả lại đất, phần đất này ông không có đo đạc. Ông không yêu cầu phân chia tài sản do cha mẹ để lại vì cha mẹ khi còn sống đã phân chia xong.

Tại phiên tòa ông xác định bà M khi cho đất cho bà P có nhờ ông đo đạc, ông là người trực tiếp đo nhưng khi ông đo đạc không có lập biên bản và không có mặt bà P, ông D và không ai chứng kiến. Mục đích đo chỉ để xác định diện tích đất 01 công theo di chúc. Phần đất ông đo đạc không phải vị trí đất theo yêu cầu khởi

kiện của bà P; việc bà P yêu cầu phân đất theo đo đạc thực tế nằm trên lộ là không đúng.

- Ý kiến của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc D trước đây có vay vốn tại Ngân hàng nhưng nay đã trả xong, Ngân hàng không yêu cầu đối với ông D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:26/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Nguyễn Văn Đum và bà Phan Mỹ T1 giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.287,9m² có tứ cận:

Mốc M1M2 giáp Kinh Xáng dài 38,63m;

Mốc M2M3 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D dài 6,69m;

Mốc M3M4 giáp lộ xi măng dài 38,13m;

Mốc M1M4 giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tùng dài 5,80m;

Mốc M5M6 giáp lộ xi măng dài 38,17m;

Mốc M6M7 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D dài 29,09m;

Mốc M7M8 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D dài 38,19m;

Mốc M8M5 giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tùng dài 28,36m;

Phần đất thuộc thửa 65 tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (Theo trích đo hiện trạng ngày 28/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hà Thị T4 về việc yêu cầu người được quản lý đất hoàn lại giá trị căn nhà số tiền 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D phát biểu: Phần đất tranh chấp không nằm trong quyền sử dụng đất của ông B và bà M đứng tên, mà nằm trong quyền sử dụng đất bà Út đứng tên; giữa đất ông B, bà M với đất bà Út có mương ranh, hiện nay vẫn còn; Tòa án đã có Công văn hỏi Trung tâm Quan trắc nhưng Trung tâm Quan trắc không xác định phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của ai; bà P là người được cho đất nhưng không biết vị trí đất thế nào; nếu phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất bà Út thì không thể giao cho

bà P được; án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu bà P là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Út. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Ông D không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P phát biểu: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông B và bà M cho bà P theo di chúc ngày 04 tháng giêng năm 2009, bà P có cất nhà ở trên phần đất này; ông D cho rằng phần đất tranh chấp là của bà Út là mâu thuẫn với trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; quyền sử dụng đất của ông B và bà M với bà Út cấp hai thời điểm khác nhau; tại hồ sơ không thể hiện bà Út có yêu cầu gì về phần đất tranh chấp. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà P phát biểu: Ông D cho rằng phần đất tranh chấp là của bà Út, vì sao bà quản lý đất thời gian 21 năm mà bà Út không có ý kiến gì. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà M, bà G1, bà N phát biểu: Phần đất tranh chấp là của cha mẹ cho bà P yêu cầu buộc ông D trả lại đất cho bà P.

Ông T5 phát biểu: Yêu cầu làm rõ phần đất tranh chấp là của bà Út hay của ông B và bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà P khởi kiện yêu cầu ông D và bà T1 trả lại phần đất mà bà P được cha mẹ là ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Minh cho, diện tích theo đo đạc thực tế 1.287,9m², đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Ông D và bà T1 xác định phần đất bà P yêu cầu không phải phần đất mà bà P được ông B và bà M cho cũng như không phải vị trí phần đất trong di chúc, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà P.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà P, ông D, bà T1, bà M, bà G1, bà N, ông T5, ông T3, bà T4 đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của ông B và bà M tạo lập. Việc ông B và bà M có cho bà P phần đất 01 công đề ở các bên đương sự đều thừa nhận. Do di chúc không có ghi vị trí, tứ cận phần đất nên giữa bà P và ông D không thống nhất vị trí phần đất bà P được cho. Theo tờ di chúc ngày mùng 4 tháng giêng năm 2009 thì bà M có cho bà P phần đất

ở diện tích 01 công và phần đất ruộng diện tích 03 công, nhưng trong di chúc không thể hiện vị trí tứ cận hai phần đất trên. Phần đất ruộng 03 công bà P đã quản lý và chuyển nhượng cho người khác, còn lại phần đất ở 01 công đang tranh chấp với ông D.

[3] Theo bà P xác định vị trí phần đất 01 công bà P được cho để ở là phần đất hiện nay tranh chấp với ông D. Phần đất này bà P đã được ông B và bà M cho từ năm 1999 và bà P cất nhà ở trên phần đất, đến năm 2009 (sau khi ông B mất) thì bà M lập di chúc phân chia đất cho bà P. Đến năm 2011, bà P dời nhà về huyện U Minh sống; đến năm 2012 bà P cho bà T4 mượn phần đất nằm từ lộ xuống mé kênh xáng để cất nhà ở. Ông D cho rằng phần đất 01 công bà P được cho là phần đất nằm giáp sông Trẹm (chiều ngang và chiều dài 36m), hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần đất hiện đang tranh chấp là do trước đây sau khi ông B và bà M cho đất thì xáng mức ngang thành kênh xáng, phần đất của bà P được cho nằm cách lộ nên ông B và bà M có cho bà P mượn phần đất trên lộ để ở, khi nào đi thì trả lại đất, việc cho mượn đất không có làm giấy tờ.

[3] Xét thấy: Mặc dù trong di chúc cho đất bà P không ghi vị trí phần đất 01 công được cho, nhưng việc bà P có cất nhà ở trên phần đất tranh chấp là có thực tế, được các bên thừa nhận. Khi bà P cất nhà ở trên phần đất tranh chấp này bà M và ông B vẫn còn sống và thống nhất để bà P cất nhà mà không có ý kiến gì. Từ khi bà P cất nhà ở trên phần đất năm 1999 đến khi bà P dời đi về huyện U Minh sinh sống năm 2011, ông D cũng không có ý kiến phản đối. Hơn nữa, phần đất nêu trên là của ông B và bà M, nên việc định đoạt cho bà P phần đất ở vị trí nào là thuộc quyền của ông B và bà M, chứ không phải thuộc quyền định đoạt của ông D. Việc ông D xác định bà M cho bà P mượn phần đất để cất nhà ở nhưng không có chứng cứ chứng minh gì đối với việc cho mượn đất như ông D trình bày.

[4] Mặt khác, khi bà P dời về huyện U Minh sinh sống thì đến năm 2012 bà P cho bà T4 mượn một phần đất để ở, ông D cũng không có ý kiến gì. Đối với lời trình bày của ông D cho rằng ông D là người cho bà T4 và ông G2 mượn đất cất nhà ở nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh; còn bà T4 và ông G2 không thừa nhận có hỏi mượn đất của ông D, mà xác định hỏi mượn đất của bà P; do đó, lời trình bày của ông D là không có cơ sở.

[5] Đối với phần đất vị trí cặp sông Trẹm mà ông D cho rằng bà M cho bà P thì các đương sự và lời khai của người làm chứng đều xác nhận bà P không có quản lý. Tại tòa trường trình ngày 15/02/2019 chị Nguyễn Thị Thắm trình bày có mượn của ông D phần đất cặp sông Trẹm để ở một thời gian khá lâu, đến khi ông D đòi đất lại thì chị mới di dời nhà trả đất. Ông D, bà P đều thừa nhận chị Thắm thực tế có ở trên phần đất cặp sông Trẹm này, nhưng ông D cho rằng bà M là người cho chị Thắm mượn đất. Như vậy, việc ông D cho rằng bà M cho bà P phần đất này để ở nhưng lại cho chị Thắm mượn cất nhà ở là chưa thuyết phục.

[6] Đối với trình bày của ông D tại cấp phúc thẩm cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Út, Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản gửi Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc và Tài nguyên Môi trường tỉnh Cà Mau yêu cầu cung cấp thông tin xác định phần đất tranh chấp thuộc

quyền sử dụng đất của bà Út đứng tên hay thuộc quyền sử dụng đất của ông B và bà M đứng tên, nhưng Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc và Tài nguyên Môi trường tỉnh Cà Mau có văn bản trả lời không xác định được, do đó cấp phúc thẩm căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ để giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13/12/2019 đối với bà Út, bà Út trình bày: “Từ trước đến nay bà sống cùng với ông B, bà M. Sau khi ông B và bà M mất thì bà sống cùng với ông D. Nguồn gốc đất tranh chấp (nằm cặp lộ hiện nay) là của ông B và bà M, trước đây ông B và bà M có cho bà P mượn phần đất cặp lộ này để cất nhà ở, khi nào đi thì trả lại, khi cho mượn không có nói diện tích mà chỉ cho mượn phần đất để cất nhà ở, khi mượn không có làm giấy tờ ...”. Đồng thời, tại đơn yêu cầu của bà Út ngày 12/12/2019 trình bày: “Vào năm 2002, cháu Phục có hỏi anh chị Bảy tôi cất nhà ở tạm phần đất ở phía trên lộ và khi nào đi trả lại cho anh chị Bảy tôi ...”. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất bà P tranh chấp với ông D thuộc quyền sử dụng đất của ông B và bà M chứ không thuộc quyền sử dụng của bà Út như ông D trình bày.

[7] Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông D và bà T1 trả lại phần đất tranh chấp và chịu chi phí đo đạc, định giá, án phí sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông D và bà T1 phải chịu theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn Đum và bà Phan Mỹ T1 giao trả cho bà Nguyễn Thị P phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.287,9m² có tứ cận: Mốc M1M2 giáp kênh xáng dài 38,63m; Mốc M2M3 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D đang sử dụng dài 6,69m; Mốc M3M4 giáp lộ xi măng dài 38,13m; Mốc M1M4 giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tùng dài 5,80m; Mốc M5M6 giáp lộ xi măng dài 38,17m; Mốc M6M7 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D đang sử dụng dài 29,09m; Mốc M7M8 giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc D đang sử dụng dài

38,19m; Mốc M8M5 giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Tùng dài 28,36m. Phần đất thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 01 đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

(Theo trích đo hiện trạng ngày 28/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hà Thị T4 về việc yêu cầu người được quản lý đất hoàn trả lại giá trị căn nhà số tiền 45.000.000 đồng.

- Chi phí tố tụng số tiền 6.769.000 đồng ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1 phải chịu, bà Nguyễn Thị P đã nộp nên ông D, bà T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà P số tiền 6.769.000 đồng.

Kể từ bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông D và bà T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Mỹ T1 phải chịu số tiền 2.575.800 đồng. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí; ngày 20/02/2019 bà P đã dự nộp tạm ứng số tiền 702.000 đồng theo biên lai số 0005963 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại. Bà Hà Thị T4 không phải chịu án phí. Ngày 13/5/2019 bà T4 đã dự nộp số tiền 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006140 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông D và bà T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 17/8/2020, ông D và bà T1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011365 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

